CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2022/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2022*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về định danh và xác thực điện tử

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Căn cước công dân ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử,

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về danh tính điện tử, định danh điện tử, xác thực điện tử; dịch vụ định danh và xác thực điện tử; quyền, nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ và quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến định danh và xác thực điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. "Danh tính điện tử người Việt Nam" là tập hợp dữ liệu số về thông tin của một công dân Việt Nam trong hệ thống định danh và xác thực điện tử được xác thực thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân cho phép xác định duy nhất một cá nhân trên môi trường điện tử.

2. "Danh tính điện tử người nước ngoài" là tập hợp dữ liệu số về thông tin của một người nước ngoài trong hệ thống định danh và xác thực điện tử được xác

thực thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh cho phép xác định duy nhất một cá nhân trên môi trường điện tử.

3. "Danh tính điện tử của tổ chức" là tập hợp dữ liệu số về thông tin của một cơ quan, tổ chức trong hệ thống định danh và xác thực điện tử được xác thực thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành cho phép xác định duy nhất một tổ chức trên môi trường điện tử.

4. "Chủ thể danh tính điện tử" là cơ quan, tổ chức, cá nhân được xác định gắn với danh tính điện tử.

5. "Định danh điện tử" là hoạt động tạo lập, gắn danh tính điện tử với chủ thể danh tính điện tử dựa trên các thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân, cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành cho phép xác định duy nhất một cơ quan, tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử.

6. "Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử" là cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thuộc Bộ Công an, Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện và Công an cấp xã.

7. "Hệ thống định danh và xác thực điện tử" là hệ thống thông tin do Bộ Công an xây dựng phục vụ việc đăng ký, đối soát, tạo lập, xác thực, lưu trữ và tích hợp thông tin của chủ thể danh tính điện tử tham gia giao dịch trên môi trường điện tử.

8. "Tài khoản định danh điện tử" là tập hợp gồm tên đăng nhập, mật khẩu hoặc hình thức xác thực khác được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an.

9. "Thông tin được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử" là những thông tin liên quan của chủ tài khoản định danh điện tử đã được xác thực bởi Bộ Công an hoặc các đơn vị khác thông qua việc kết nối các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với hệ thống định danh và xác thực điện tử.

10. "Xác thực điện tử" là hoạt động xác thực chủ thể danh tính điện tử và hoạt động xác thực thông tin do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp trên môi trường điện tử.

11. "Yếu tố xác thực" là các yếu tố thuộc ba nhóm sau: Chủ thể danh tính điện tử biết; chủ thể danh tính điện tử sở hữu; đặc điểm sinh trắc học của chủ thể danh tính điện tử được sử dụng cho mục đích xác thực điện tử.

12. "Phương tiện xác thực" là phương tiện do chủ thể danh tính điện tử sở hữu và kiểm soát, bao gồm: mật khẩu; mã bí mật; mã vạch 2 chiều; thiết bị đầu cuối; thiết bị hoặc phần mềm mật khẩu sử dụng một lần; thiết bị hoặc phần mềm mật mã và các phương tiện khác.

13. "Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử" là tổ chức, doanh nghiệp được Bộ Công an cấp phép, đáp ứng điều kiện về cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo quy định tại Nghị định này.

14. "VNeID", "dinhdanhdientu.gov.vn", "vneid.gov.vn" là ứng dụng định danh điện tử trên nền tảng di động và trang thông tin định danh điện tử do Bộ Công an tạo lập, phát triển để phục vụ hoạt động định danh điện tử và xác thực điện tử, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và phát triển các tiện ích để phục vụ công dân.

15. "Số định danh của người nước ngoài" là dãy số tự nhiên do hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động sinh ra để quản lý danh tính điện tử của người nước ngoài.

16. "Số định danh của tổ chức" là dãy số tự nhiên do hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động sinh ra để quản lý danh tính điện tử của tổ chức.

17. "Xác thực chủ thể danh tính điện tử" là việc đối chiếu một hoặc nhiều yếu tố xác thực với phương tiện xác thực tương ứng.

Điều 4. Nguyên tắc định danh và xác thực điện tử

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Bảo đảm tính chính xác, duy nhất trong định danh và xác thực điện tử; công khai, minh bạch trong quản lý, thuận tiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Đảm bảo an ninh, an toàn thiết bị, bảo mật dữ liệu khi thực hiện định danh và xác thực điện tử.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được khai thác và sử dụng danh tính điện tử phải tuân thủ quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về định danh và xác thực điện tử phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

6. Bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 5. Khai thác thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử

1. Các cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử để xác thực thông tin cơ quan, tổ chức, cá nhân, giải quyết các thủ tục hành chính, dịch vụ công.

2. Các cơ quan, tổ chức không thuộc khoản 1 Điều này khai thác thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng định danh điện tử hoặc qua dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

3. Công dân Việt Nam khai thác thông tin của mình trong hệ thống định danh và xác thực điện tử thông qua ứng dụng VNeID hoặc thẻ Căn cước công dân gắn chíp.

4. Người nước ngoài khai thác thông tin của mình trong hệ thống định danh và xác thực điện tử thông qua ứng dụng VneID.

Điều 6. Biểu mẫu kèm theo

Ban hành kèm theo Nghị định này các biểu mẫu sau:

1. Phiếu đăng ký định danh điện tử cho cá nhân (DD01), Phiếu đăng ký định danh điện tử cho tổ chức (DD02).

2. Đơn đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử (XT01); Đơn đề nghị cấp lại/gia hạn/thay đổi giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử (XT02); Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử (XT03); Quyết định về việc thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử (XT04); Quyết định về việc tạm đình chỉ giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử (XT05); Báo cáo về hoạt động cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử (XT06).

CHƯƠNG II
DANH TÍNH ĐIỆN TỬ, ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ
Mục 1: DANH TÍNH ĐIỆN TỬ

Điều 7. Danh tính điện tử của công dân Việt Nam

Danh tính điện tử của công dân Việt Nam gồm:

1. Thông tin cá nhân:

a) Số định danh cá nhân;

b) Họ, chữ đệm và tên;

c) Ngày, tháng, năm sinh;

d) Giới tính;

đ) Quốc tịch khác (nếu có);

e) Nơi cư trú.

2. Thông tin sinh trắc học:

a) Ảnh chân dung;

b) Vân tay (đối với trường hợp tài khoản định danh điện tử mức độ 2).

Điều 8. Danh tính điện tử của người nước ngoài

Danh tính điện tử của người nước ngoài bao gồm:

1. Thông tin cá nhân:

a) Số định danh của người nước ngoài;

b) Họ, chữ đệm và tên;

c) Ngày, tháng, năm sinh;

d) Giới tính;

đ) Quốc tịch;

e) Nơi cư trú ở Việt Nam;

g) Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, loại giấy tờ và nơi cấp hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ chứng minh thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

2. Thông tin sinh trắc học:

a) Ảnh chân dung;

b) Vân tay (đối với trường hợp tài khoản định danh điện tử mức độ 2).

Điều 9. Danh tính điện tử của tổ chức

Danh tính điện tử của tổ chức gồm:

1. Số định danh của tổ chức.

2. Tên tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên nước ngoài (nếu có).

3. Ngày, tháng, năm thành lập.

4. Địa chỉ trụ sở chính.

5. Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh.

6. Mã số thuế của tổ chức, doanh nghiệp (nếu có);

7. Số định danh cá nhân; họ, chữ đệm và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

Điều 10. Cập nhật danh tính điện tử

1. Cập nhật danh tính điện tử của cá nhân:

a) Khi có thay đổi thông tin danh tính điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh cập nhật, đồng bộ thông tin vào hệ thống định danh và xác thực điện tử và thông báo cho cá nhân có danh tính điện tử.

b) Trường hợp thay đổi thông tin danh tính điện tử chưa được điều chỉnh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về về dân cư, Cơ sở dữ liệu Căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh thì thực hiện điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Cập nhật thông tin danh tính điện tử của tổ chức

Khi các thông tin trong danh tính điện tử của tổ chức có sự thay đổi, cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thực hiện kết nối, đồng bộ thông tin vào Hệ thống định danh và xác thực điện tử và thông báo cho tổ chức có danh tính điện tử.

Mục 2: ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ

Điều 11. Đối tượng được cấp tài khoản định danh điện tử

1. Công dân Việt Nam.

2. Người nước ngoài nhập cảnh, cư trú hợp pháp liên tục trên lãnh thổ Việt Nam từ 06 tháng trở lên.

3. Cơ quan, tổ chức được thành lập hoặc đăng ký hoạt động tại Việt Nam.

Điều 12. Các trường hợp tạm thời chưa được cấp tài khoản định danh điện tử

1. Người đang chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; người đang bị tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành án phạt tù.

2. Người mắc bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi.

3. Tổ chức đang chấp hành quyết định tạm dừng hoạt động do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 13. Tài khoản định danh điện tử

1. Tài khoản định danh điện tử mức độ 1 được tạo lập khi cá nhân, tổ chức đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng VNeID.

Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tạo lập khi cá nhân, tổ chức đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử trực tiếp với cơ quan có thẩm quyền.

2. Thông tin để tạo lập tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của công dân Việt Nam gồm những thông tin quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 7; thông tin để tạo lập tài khoản định danh điện tử mức độ 1 người nước ngoài gồm những thông tin quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

Thông tin để tạo lập tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của công dân Việt Nam gồm những thông tin quy định tại Điều 7 Nghị định này; thông tin để tạo lập tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của người nước ngoài gồm những thông tin quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Thông tin để tạo lập tài khoản định danh điện tử mức độ 1, mức độ 2 của tổ chức gồm những thông tin quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 14. Sử dụng tài khoản định danh điện tử

1. Việc thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên môi trường điện tử phải sử dụng tài khoản định danh điện tử theo quy định của Nghị định này.

2. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện hoạt động không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do cơ quan, tổ chức, cá nhân tự lựa chọn sử dụng.

3. Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của công dân Việt Nam có giá trị sử dụng như thẻ Căn cước công dân; có giá trị chứng minh các thông tin khác của công dân đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử; có giá trị xác nhận giao dịch điện tử do chủ tài khoản định danh điện tử thực hiện.

4. Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của người nước ngoài có giá trị sử dụng như hộ chiếu; có giá trị chứng minh các thông tin khác của người nước ngoài đã tích hợp vào tài khoản định danh điện tử; có giá trị xác nhận giao dịch điện tử do chủ tài khoản định danh điện tử thực hiện.

5. Tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của tổ chức có giá trị sử dụng như việc ký, đóng dấu của tổ chức trên văn bản giấy.

6. Khi cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trong các hoạt động giao dịch điện tử thì không phải xuất trình giấy tờ khác để chứng minh thông tin cá nhân đã cung cấp.

7. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử phải được thực hiện bằng ứng dụng định danh điện tử Vne

ID hoặc ứng dụng, thiết bị, phương tiện khác đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ Công an quy định.

Điều 15. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam

Cá nhân từ đủ 14 tuổi trở lên đăng ký tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng VNeID hoặc đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định tại khoản 6, khoản 13 Điều 3 Nghị định này. Đối với cá nhân chưa đủ 14 tuổi, người được giám hộ thì đăng ký theo tài khoản định danh điện tử của cha, mẹ hoặc người giám hộ.

1. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1

Bước 1: Công dân sử dụng thiết bị di động tải và cài đặt ứng dụng VNeID.

Bước 2: Công dân thực hiện theo các bước hướng dẫn trên ứng dụng VNeID để kiểm tra, xác thực chủ thẻ Căn cước công dân với tài khoản định danh điện tử.

Bước 3: Cơ quan quản lý định danh điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản trên ứng dụng VNeID.

2. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2

Trường hợp công dân đã được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chíp:

Bước 1: Người đến làm thủ tục xuất trình thẻ Căn cước công dân, cung cấp thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có), người tiếp nhận kiểm tra hệ thống định danh và xác thực điện tử để trích xuất thông tin giấy phép lái xe, đăng ký xe, thẻ bảo hiểm y tế, số bảo hiểm xã hội, thông báo mã số thuế cá nhân hoặc các thông tin khác khi công dân có yêu cầu bổ sung vào tài khoản định danh điện tử. Trường hợp hệ thống định danh và xác thực điện tử chưa kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì đề nghị công dân xuất trình giấy tờ, tài liệu có các thông tin yêu cầu tích hợp vào tài khoản định danh điện tử để kiểm tra, đối chiếu.

Bước 2: Người tiếp nhận chụp ảnh chân dung, thu nhận vân tay của người đến làm thủ tục.

Bước 3: Người tiếp nhận in giấy đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử cho người đến làm thủ tục kiểm tra, ký xác nhận.

Bước 4: Cơ quan quản lý định danh điện tử trả thông báo kết quả đăng ký tài khoản định danh điện tử cho người đến làm thủ tục qua tin nhắn SMS, qua địa chỉ thư điện tử hoặc thông báo trên ứng dụng VNeID.

Trường hợp công dân chưa được cấp Căn cước công dân gắn chip thì đến nơi làm thủ tục cấp Căn cước công dân để thực hiện thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân và tài khoản định danh điện tử.

Điều 16. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với người nước ngoài

1. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1

Bước 1: Người nước ngoài sử dụng thiết bị di động tải và cài đặt ứng dụng VNeID.

Bước 2: Người nước ngoài thực hiện theo các bước hướng dẫn trên ứng dụng VNeID để kiểm tra thông tin cá nhân với cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh.

Bước 3: Cơ quan quản lý định danh điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản trên ứng dụng VNeID.

2. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2

Bước 1: Người nước ngoài đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh làm thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử, xuất trình Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế, giấy tờ cư trú hợp pháp tại Việt Nam, cung cấp thông tin số điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có).

Trường hợp người nước ngoài có yêu cầu bổ sung thông tin vào tài khoản định danh điện tử thì đề nghị xuất trình giấy tờ, tài liệu có các thông tin yêu cầu tích hợp vào tài khoản định danh điện tử do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để kiểm tra, đối chiếu.

Bước 2: Cán bộ cơ quan quản lý xuất nhập cảnh chụp ảnh, thu nhận vân tay của người đến làm thủ tục.

Bước 3: Cán bộ cơ quan quản lý xuất nhập cảnh in giấy đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử cho người đến làm thủ tục ký xác nhận.

Bước 4: Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh gửi yêu cầu cấp định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh điện tử.

Bước 5: Cơ quan quản lý định danh điện tử trả thông báo kết quả đăng ký tài khoản định danh điện tử cho người đến làm thủ tục qua tin nhắn SMS, qua địa chỉ thư điện tử hoặc thông báo trên ứng dụng VNeID.

Điều 17. Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với tổ chức

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng VNeID; người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc người được ủy quyền đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định tại khoản 6, khoản 13 Điều 3 Nghị định này để đăng ký tài khoản định danh điện tử.

1. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1

Bước 1: Người đại diện theo pháp luật của tổ chức (đã có tài khoản định danh điện tử mức độ 2) sử dụng thiết bị di động tải và cài đặt ứng dụng VNeID.

Bước 2: Người đại diện theo pháp luật của tổ chức thực hiện theo các bước hướng dẫn trên ứng dụng VNeID.

Bước 3: Cơ quan quản lý định danh điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản trên ứng dụng VNeID.

2. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2

Bước 1: Người đến làm thủ tục xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chíp, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế (đối với trường hợp là người nước ngoài), giấy ủy quyền, giấy giới thiệu (nếu có). Trường hợp hệ thống định danh và xác thực điện tử chưa kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành người đến làm thủ tục cung cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập tổ chức.

Bước 2: Người tiếp nhận kiểm tra hệ thống định danh và xác thực điện tử để trích xuất thông tin trong danh tính điện tử của tổ chức quy định tại Điều 9 Nghị định này, in giấy đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử cho người đến làm thủ tục kiểm tra, ký xác nhận.

Bước 3: Cơ quan quản lý định danh điện tử tiến hành xác minh thông tin tổ chức và trả thông báo kết quả đăng ký tài khoản định danh điện tử cho người đến làm thủ tục qua tin nhắn SMS, qua địa chỉ thư điện tử hoặc thông báo trên ứng dụng VNeID.

Điều 18. Thẩm quyền cấp, khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử

Thủ trưởng cơ quan quản lý hệ thống định danh và xác thực điện tử Bộ Công an có thẩm quyền cấp, khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử.

Điều 19. Thời hạn giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Nghị định này, cơ quan Công an có trách nhiệm giải quyết cấp tài khoản định danh điện tử trong thời hạn như sau:

1. Đối với trường hợp công dân Việt Nam đã có thẻ Căn cước công dân gắn chíp: Không quá 03 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1, không quá 05 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

Đối với trường hợp công dân Việt Nam chưa có thẻ Căn cước công dân gắn chíp: Không quá 10 ngày.

2. Đối với người nước ngoài: Không quá 03 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1, không quá 05 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

3. Đối với tổ chức: Không quá 03 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 1, không quá 07 ngày làm việc với trường hợp cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

Điều 20. Kích hoạt tài khoản định danh điện tử

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện kích hoạt trên ứng dụng VNeID trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả cấp tài khoản định danh

điện tử. Sau 07 ngày, nếu tài khoản định danh điện tử không được kích hoạt, cơ quan, tổ chức, cá nhân phải liên hệ tổng đài tiếp nhận và giải quyết vướng mắc về định danh và xác thực điện tử (19000368) để được hướng dẫn.

Điều 21. Khóa tài khoản định danh điện tử

1. Các trường hợp khóa tài khoản định danh điện tử:

a) Khóa tài khoản định danh điện tử của công dân

Chủ thể danh tính điện tử bị thu hồi, tạm giữ thẻ Căn cước công dân theo quy định tại Điều 28 Luật Căn cước công dân.

Xác lập lại số định danh cá nhân cho chủ thể danh tính điện tử.

Chủ thể danh tính điện tử chết, mất tích.

Chủ thể danh tính điện tử vi phạm điều khoản dịch vụ đã thỏa thuận với cơ quan cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử.

Chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình.

Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bên sử dụng dịch vụ.

Chủ thể danh tính điện tử mức độ 2 hết hạn sử dụng thẻ Căn cước công dân mà không làm thủ tục đổi thẻ Căn cước công dân theo quy định.

b) Khóa tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài

Khi chủ thể danh tính điện tử chết.

Khi chủ thể danh tính điện tử hết thời hạn cư trú trên lãnh thổ Việt Nam.

Khi chủ thể danh tính điện tử vi phạm điều khoản dịch vụ đã thỏa thuận với cơ quan cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử.

Khi chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình.

Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bên sử dụng dịch vụ.

Chủ thể danh tính điện tử mức độ 2 hết hạn sử dụng hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.

c) Khóa tài khoản định danh điện tử của tổ chức

Khi tổ chức giải thể, dừng hoạt động theo quy định của pháp luật.

Khi chủ thể danh tính điện tử vi phạm điều khoản dịch vụ đã thỏa thuận với cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử.

Khi chủ thể danh tính điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình.

Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc bên sử dụng dịch vụ.

2. Các hình thức yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử:

Cá nhân, người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng VNeID; gọi điện đến tổng đài 19000368 hoặc đến cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử.

Đối với các trường hợp còn lại, hệ thống định danh và xác thực điện tử thực hiện tự động khóa tài khoản định danh và xác thực điện tử.

3. Khóa tài khoản định danh điện tử khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền

Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền có văn bản gửi cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử cùng cấp đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử, trong đó nêu rõ lý do, thời hạn khóa.

Điều 22. Mở khóa tài khoản định danh điện tử

1. Các trường hợp mở khóa tài khoản định danh điện tử

Khi chủ thể danh tính điện tử mức độ 2 là công dân Việt Nam thực hiện đổi thẻ Căn cước công dân; chủ thể danh tính điện tử mức độ 2 là người nước ngoài gia hạn hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế sẽ được hệ thống tự động mở khóa tài khoản định danh điện tử.

Khi chủ thể danh tính điện tử đã khắc phục vi phạm và yêu cầu mở khóa tài khoản định danh điện tử.

Khi cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền hoặc chủ thể danh tính điện tử có văn bản đề nghị khôi phục tài khoản định danh điện tử mà trước đó đã yêu cầu khóa.

2. Các hình thức yêu cầu mở khóa tài khoản định danh điện tử

a) Cá nhân, người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng VNeID; gọi điện đến tổng đài tiếp nhận yêu cầu giải quyết vướng mắc về định danh và xác thực điện tử (19000368) hoặc đến cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử yêu cầu mở khóa tài khoản định danh điện tử.

b) Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan chức năng có thẩm quyền có văn bản gửi cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử cùng cấp đề nghị mở khóa tài khoản định danh điện tử, trong đó nêu rõ lý do.

Điều 23. Lưu trữ thông tin, giao dịch của tài khoản định danh điện tử

1. Thông tin đăng ký tài khoản định danh điện tử được lưu trữ vĩnh viễn trong hệ thống định danh và xác thực điện tử.

2. Thông tin về việc sử dụng tài khoản hoặc thông tin giao dịch của tài khoản định danh điện tử được lưu trữ trong hệ thống định danh và xác thực điện tử với thời hạn 05 năm kể từ thời điểm thực hiện giao dịch.

CHƯƠNG III
XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

Điều 24. Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử

1. Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử là hệ thống thông tin do Bộ Công an tổ chức xây dựng, vận hành và quản lý để phục vụ việc trao đổi thông tin giữa hệ thống định danh và xác thực điện tử với khách hàng sử dụng dịch vụ, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và chủ thể danh tính điện tử.

2. Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử khai thác thông tin trong hệ thống định danh và xác thực điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành để phục vụ việc cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 25. Mức độ xác thực chủ thể danh tính điện tử

1. Mức độ 1: Xác thực chủ thể danh tính điện tử được thực hiện dựa trên tối thiểu một yếu tố xác thực theo quy định tại khoản 11 Điều 3 và phương tiện xác thực quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này.

2. Mức độ 2: Xác thực điện tử được thực hiện dựa trên hai yếu tố xác thực khác nhau trở lên theo quy định tại khoản 11 Điều 3 và phương tiện xác thực tương ứng tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này.

Điều 26. Xác thực thông tin của cá nhân, tổ chức

1. Thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu xác thực là thông tin dùng để thực hiện giao dịch dân sự, thủ tục hành chính và các giao dịch khác giữa cơ quan, tổ chức,cá nhân, bên sử dụng danh tính điện tử và chủ thể danh tính điện tử.

2. Các thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân được bên sử dụng danh tính điện tử yêu cầu hoặc trực tiếp chủ thể danh tính điện tử yêu cầu Cơ quan quản lý nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử hoặc cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành xác thực để xác định độ tin cậy của thông tin.

3. Thông tin đã được xác thực chính xác qua nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử xác thực có giá trị như việc cung cấp các giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong giao dịch điện tử đang thực hiện.

CHƯƠNG IV
DỊCH VỤ ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

Điều 27. Dịch vụ định danh và xác thực điện tử

1. Dịch vụ định danh và xác thực điện tử bao gồm các hoạt động sau:

a) Hoạt động tiếp nhận yêu cầu đăng ký, cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tại các tổ chức cung cấp dịch vụ định danh

và xác thực điện tử có sử dụng ứng dụng, phương tiện, thiết bị đã được Bộ Công an kiểm định để đối chiếu, so sánh giữa danh tính điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân với thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

b) Hoạt động tiếp nhận và yêu cầu đăng ký, cấp tài khoản định danh điện tử cho cá nhân, tổ chức trực tuyến trên cơ sở đối chiếu, so sánh dữ liệu về danh tính điện tử của cá nhân, tổ chức với dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành thông qua nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử.

c) Hoạt động tiếp nhận yêu cầu và trả lời yêu cầu xác thực thông tin của cá nhân, tổ chức thông qua nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử hoặc phương án đã được Bộ Công an thẩm định, phê duyệt khi cấp phép cho các tổ chức cung cấp dịch vụ.

d) Hoạt động tiếp nhận yêu cầu và trả lời yêu cầu xác thực chủ thể danh tính điện tử thông qua nền tảng định danh và xác thực điện tử hoặc phương án đã được Bộ Công an thẩm định, phê duyệt khi cấp phép cho các tổ chức cung cấp dịch vụ.

đ) Hoạt động phát triển, cung cấp tiện ích phục vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân trên ứng dụng định danh điện tử là hoạt động phát triển, tích hợp các tính năng, tiện ích mới cho phép cung cấp các dịch vụ, thực hiện các giao dịch, thủ tục khác trên ứng dụng định danh điện tử phù hợp với nhu cầu của cá nhân, tổ chức.

e) Hoạt động chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử là hoạt động chia sẻ, cung cấp thông tin của chủ thể danh tính điện tử cho các cá nhân, tổ chức khi được sự đồng ý của chủ thể danh tính điện tử đó.

2. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử phải đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 28 Nghị định này và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

3. Tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép hoạt động cung cấp một hoặc nhiều dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm bồi thường, khắc phục hậu quả với các sai sót của tổ chức mình trong hoạt động cung cấp dịch vụ.

Điều 28. Điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử

1. Điều kiện về chủ thể

Tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Điều kiện về nhân sự

a) Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam đang không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không trong thời gian bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về tội phạm do vô ý mà chưa được xóa án tích hoặc về tội phạm do cố ý.

b) Có tối thiểu 20 nhân sự trình độ đại học chuyên ngành về Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm về quản trị, vận hành hệ thống, bảo đảm an toàn thông tin của hệ thống.

3. Điều kiện về tài chính

Ký quỹ không kỳ hạn tại ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam số tiền **5.000.000.000** (Năm tỷ Việt Nam đồng). Việc ký quỹ và sử dụng tiền ký quỹ được quy định tại Điều 33 Nghị định này.

4. Điều kiện về kỹ thuật và quy trình quản lý cung cấp dịch vụ

Có Đề án hoạt động cung cấp dịch vụ được Bộ Công an thẩm định và phê duyệt với các nội dung tối thiểu sau:

a) Thông tin giới thiệu về doanh nghiệp, tổ chức gồm: kinh nghiệm, năng lực phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử;

b) Phương án, quy trình phục vụ cho hoạt động cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử, bao gồm: thuyết minh hệ thống công nghệ thông tin; thuyết minh phương án kỹ thuật về giải pháp công nghệ, quy trình cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử; phương án lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu, bảo đảm an ninh an toàn thông tin của hệ thống, cơ sở dữ liệu; phương án bảo vệ dữ liệu cá nhân, tổ chức; phương án dự phòng thảm họa và bảo đảm vận hành ổn định, thông suốt dịch vụ định danh và xác thực điện tử; phương án kết nối với nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử.

Điều 29. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử

1. Thành phần hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo Mẫu XT01 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Hợp đồng lao động của tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử với nhân sự hoạt động cho tổ chức, doanh nghiệp;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính chứng chỉ chuyên môn của nhân sự quy định tại điểm b khoản 2 Điều 28;

d) Bản chính Giấy xác nhận ký quỹ của ngân hàng nhận ký quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định này;

đ) Đề án và các tài liệu mô tả theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Nghị định này.

2. Trình tự, thời hạn và cách thức cấp Giấy phép:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an;

Trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công các mẫu đơn, tờ khai và văn bản điện tử đăng tải lên phải được ký số bởi cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công an có thông báo bằng văn bản.

c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan; trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Công an, bộ, cơ quan ngang bộ có văn bản trả lời.

d) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo mẫu XT03 ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

3. Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử có thời hạn sử dụng là 10 (mười) năm.

Điều 30. Cấp lại, gia hạn, thay đổi Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử

1. Thay đổi nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử được thực hiện trong trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các thông tin sau: người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở, tên giao dịch, phương án được Bộ Công an thẩm định, phê duyệt quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 28 Nghị định này.

Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử về Bộ Công an theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định này. Hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy phép bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại/gia hạn/thay đổi giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo Mẫu XT02 ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo mô tả chi tiết nội dung đề nghị thay đổi và các tài liệu liên quan;

Trường hợp nộp qua cổng dịch vụ công các mẫu đơn, tờ khai và văn bản điện tử đăng tải lên phải được ký số bởi cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

a) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thẩm tra, cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử với các nội dung thay đổi về người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở, tên giao dịch. Trường hợp từ chối thay đổi phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thẩm định, cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử với nội dung thay đổi phương án đã được Bộ Công an thẩm định phê duyệt. Trường hợp từ chối thay đổi, phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử là thời hạn còn lại của Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử đã được cấp.

2. Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng:

a) Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử

gửi Đơn đề nghị cấp lại/gia hạn/thay đổi giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử để đề nghị cấp lại Giấy phép định danh và xác thực điện tử theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 29, trong đó nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Bộ Công an xem xét và cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử cho tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử. Trường hợp từ chối cấp lại phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử được cấp lại do bị mất hoặc bị hư hỏng là thời hạn còn lại của Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử đã cấp.

3. Gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử:

a) Tổ chức, doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử được gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử với thời gian gia hạn mỗi lần không quá 03 (ba) năm.

b) Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử hết hiệu lực, tổ chức, doanh nghiệp gửi Đơn đề nghị cấp lại/gia hạn/thay đổi giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử tới Bộ Công an theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29;

Trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công các mẫu đơn, tờ khai và văn bản điện tử đăng tải lên phải được ký số bởi cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép được lập thành một 01 (một) bộ, bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại/gia hạn/thay đổi giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử; báo cáo hoạt động của Tổ chức trong 02 (hai) năm gần nhất.

c) Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thẩm định, cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử. Trường hợp từ chối gia hạn phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 31. Tạm đình chỉ Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử bị tạm đình chỉ Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử trong các trường hợp sau:

a) Trong quá trình cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử không đáp ứng được một trong các điều kiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định này;

b) Cung cấp dịch vụ định danh xác thực điện tử không đúng với nội dung ghi trên Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử;

c) Không tuân thủ theo các quy trình, phương án đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 28 Nghị định này

2. Bộ Công an ra thông báo lý do tạm đình chỉ và yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử khắc phục trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn trên, Bộ Công an ra Quyết định về việc tạm

đình chỉ Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo Mẫu XT05 ban hành kèm theo Nghị định này. Đối với trường hợp tại điểm c khoản 1 Điều này, việc tạm đình chỉ sẽ được thực hiện ngay sau khi thông báo đến tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

3. Cơ quan, tổ chức bị tạm đình chỉ Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử phải dừng việc cung cấp dịch vụ; có trách nhiệm bảo đảm quyền lợi của các bên liên quan đã thỏa thuận trong hợp đồng cung cấp, sử dụng dịch vụ.

Điều 32. Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử

1. Cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử bị thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau đây:

a) Không triển khai cung cấp dịch vụ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép;

b) Bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

c) Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Quyết định về việc tạm đình chỉ Giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử có hiệu lực nhưng không khắc phục được các lý do tạm đình chỉ theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định này;

d) Không tiếp tục cung cấp dịch vụ;

đ) Vi phạm pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật An ninh mạng, các quy định khác của pháp luật có nguy cơ xâm phạm đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

2. Bộ Công an ra quyết định về việc thu hồi giấy phép đủ kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử theo Mẫu XT04 ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử bị thu hồi Giấy phép hoặc có giấy phép hết hiệu lực mà không tiếp tục gia hạn hoặc cấp đổi có trách nhiệm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể danh tính điện tử và các bên có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định về việc thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử được Bộ Công an công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 33. Ký quỹ và sử dụng tiền ký quỹ

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử phải thực hiện thủ tục nộp tiền ký quỹ tại ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam.

2. Tiền ký quỹ được ngân hàng nhận ký quỹ phong tỏa theo quy định của pháp luật, chỉ được sử dụng theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Công an.

3. Tiền ký quỹ được sử dụng để giải quyết các rủi ro và các khoản phải đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ của Tổ chức cung cấp dịch vụ

định danh và xác thực điện tử.

4. Tiền ký quỹ được dùng để thanh toán chi phí tiếp nhận, duy trì cơ sở dữ liệu của Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử trong trường hợp bị thu hồi giấy phép.

5. Sau khi thanh toán nghĩa vụ bằng tiền ký quỹ (bao gồm tất cả các loại phí dịch vụ), tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử phải nộp bổ sung cho đủ số tiền ký quỹ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán, đồng thời gửi thông báo cho Bộ Công an để theo dõi.

Điều 34. Thanh toán việc sử dụng hoạt động định danh và xác thực điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử tại cơ quan Công an không phải thanh toán tiền đăng ký tài khoản.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh không phải thanh toán tiền sử dụng tài khoản.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện thanh toán tiền dịch vụ theo thỏa thuận với tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

CHƯƠNG V
QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký định danh điện tử, có tài khoản định danh điện tử:

a) Tuân thủ quy định về đăng ký định danh điện tử và xác thực điện tử; sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các giao dịch điện tử khác;

b) Cung cấp và chịu trách nhiệm về các giấy tờ, thông tin đã cung cấp cho cơ quan chức năng để tạo tài khoản định danh điện tử;

c) Quản lý, bảo mật thông tin tài khoản định danh điện tử, không được cho người khác sử dụng tài khoản định danh điện tử của mình, bảo đảm sử dụng tài khoản định danh điện tử an toàn;

d) Chịu trách nhiệm về các giao dịch đã thực hiện và quy định của các bên có liên quan đối với các giao dịch điện tử.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác sử dụng tài khoản định danh điện tử hoặc xác thực điện tử:

a) Bảo đảm hạ tầng công nghệ, an toàn, bảo mật để kết nối sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử;

b) Lựa chọn mức độ của tài khoản định danh điện tử đối với từng dịch vụ cung cấp trên môi trường điện tử;

c) Bảo vệ dữ liệu cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử

Tổ chức cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử có trách nhiệm sau:

1. Công bố công khai quy trình đăng ký sử dụng dịch vụ, hợp đồng mẫu theo hướng dẫn của Bộ Công an, giá sử dụng dịch vụ và các chi phí liên quan.

2. Bảo đảm kênh tiếp nhận thông tin và việc sử dụng dịch vụ của chủ thể danh tính điện tử là liên tục 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, giao dịch điện tử, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng trong lĩnh vực định danh và xác thực điện tử.

4. Gửi báo cáo định kỳ về hoạt động định danh và xác thực điện tử.

5. Tập huấn, đào tạo về quy trình, thủ tục đăng ký và kiểm tra thông tin cơ quan, tổ chức, cá nhân cho nhân viên giao dịch.

Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Xây dựng, quản lý, bảo vệ và vận hành Hệ thống định danh và xác thực điện tử; ứng dụng tài khoản định danh điện tử vào công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về danh tính điện tử, hoạt động định danh và xác thực điện tử.

3. Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử, có vai trò chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ việc định danh và xác thực điện tử, cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử cho người dân, doanh nghiệp góp phần phát triển nền kinh tế số, xã hội số.

4. Thanh tra, kiểm tra việc sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử do Bộ Công an cung cấp.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, hướng dẫn cho cơ quan, tổ chức, cá nhân về đăng ký, quản lý định danh và xác thực điện tử.

6. Dừng cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử khi hệ thống của bên sử dụng dịch vụ không bảo đảm hạ tầng công nghệ kết nối và an toàn, bảo mật.

7. Chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin trong hoạt động định danh và xác thực điện tử.

8. Chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

9. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng đánh giá an toàn mật mã đối với bên sử dụng dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

10. Bảo vệ dữ liệu cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

11. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thống nhất phương án kết nối, chia sẻ để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử được cung cấp, tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an; bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

12. Công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Công an danh sách những tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ định danh và xác thực điện tử.

13. Hợp tác quốc tế trong công tác liên quan đến định danh và xác thực điện tử.

Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Bảo đảm sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc chức năng của mình.

2. Bảo đảm, duy trì hạ tầng công nghệ thông tin hoạt động ổn định trong việc thực hiện định danh và xác thực điện tử.

3. Phối hợp với Bộ Công an trong thực hiện các biện pháp quản lý hoạt động định danh và xác thực điện tử.

4. Phối hợp với Bộ Công an để thống nhất phương án kết nối, chia sẻ để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử được cung cấp, tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an; bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mật mã dân sự sử dụng trong hoạt động định danh và xác thực điện tử.

2. Bảo đảm sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc chức năng của mình.

3. Phối hợp với Bộ Công an bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

4. Phối hợp với Bộ Công an để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử trong việc cung cấp dịch vụ chữ ký số chuyên dùng.

Điều 40. Trách nhiệm của các bộ khác, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Bảo đảm sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

2. Phối hợp với Bộ Công an để thống nhất phương án kết nối, chia sẻ để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử được cung cấp, tạo lập bởi Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an; bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng...năm 2022.

2. Quyết định 34/2021/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 42. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những tài khoản đã được tạo lập bởi cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh trước ngày Nghị định này có hiệu lực chậm nhất đến ngày 01 tháng 6 năm 2023 phải được chuyển đổi sang tài khoản định danh điện tử.

2. Đối với những tài khoản đã được tạo lập bởi các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác tiến hành chuyển đổi theo thỏa thuận với cơ quan quản lý hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Điều 43. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTTHC (3).TM

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính